TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 210/2018/HNGĐ-PT Ngày: 30-11-2018 *V/v "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang**

Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Công Hách**- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên toà: Bà **Ngô Phương Liên**-Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2018/TLPT- HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình".

Do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ-STngày24 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 994/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 09/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà ***Vũ Thị H***, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Số 117 phố V, phường K, quận T, Thành phố H.

- **Bị đơn:** Ông ***Lê Chính N***, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Số 117 phố V, phường K, quận T, Thành phố H. (Ông Lê Chính N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Vũ Thị H và ông Lê Chính N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký ngày 03/02/1979 tại UBND Khu phố B, thành phố H. Sau khi kết hôn, ông bà sống chung tại địa chỉ số 117 phố V, phường K, quận T, thành phố H đến nay. Quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung là anh Lê Ngọc T (sinh ngày 23/11/1979) và anh Lê H (sinh ngày 24/01/1984). Anh Lê Ngọc T và anh

Lê H đều đã trưởng thành, có vợ con và không sinh sống cùng vợ chồng bà H, ông N.

Ngày 16 tháng 6 năm 2017, bà H nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận T yêu cầu giải quyết ly hôn với ông N. Theo bà, lý do yêu cầu ly hôn là vợ chồng bà chỉ sống chung hạnh phúc cho đến năm 1984 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà cho rằng bà nghi ngờ ông N có tình nhân và còn có hành vi đánh đập bà, không quan tâm chăm sóc sức khỏe cho bà. Bà H còn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của ông bà cụ thể yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đất tại số 117 V, quận T, Thành phố H và buộc ông Lê Chính N trả lại cho bà số tiền 40.000.000đ là tiền vốn ông bà mở cửa hàng bán thuốc, nay do ông N là người sử dụng cửa hàng nên phải trả lại tiền vốn cho bà.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Chính N trình bày: Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau đến năm 2010 thì bà H sức khỏe trở nên không được tốt, bà có nhiều biểu hiện của người có thần kinh không bình thường, cụ thể là bà H nói rất nhiều, tự tưởng tượng ra nhiều chuyện và không tin tưởng một ai. Gia đình ông rất bất ngờ về sức khỏe của bà ấy. Bố con ông đã nhiều lần muốn đưa bà H đi khám nhưng bà H nhất định không đi. Có lần bà H đã điều trị tại Bệnh viện y học cổ truyền Quân đội về bệnh khác, bác sỹ thấy sự không bình thường của bà H nên đã mời các bác sỹ của khoa thần kinh của Bệnh viện quân y 103 về hội chẩn, các bác sỹ cho rằng bà H có biểu hiện mắc bệnh tâm thần và muốn đưa bà đến Bệnh viện 103 để điều trị nhưng bà H chống đối không đi nên không thể đưa bà H vào viện để chữa bệnh được. Bệnh tình của bà H đến nay không thay đổi. Do bà H không đi khám cho nên không có kết luận của cơ quan y tế về sức khỏe cụ thể của bà H là như thế nào.

Nay bà H xin ly hôn ông biết lý do là bà H đã tưởng tượng ra nhiều việc như cho rằng ông đánh đập hoặc là ông có những mối quan hệ khác... Ông khẳng định là mối quan hệ vợ chồng bao năm của ông bà không có gì thay đổi, ông vẫn cố gắng chăm sóc bà H vì ông biết bà H bị bệnh. Ông yêu cầu Tòa án bác đơn ly hôn của bà H để gia đình ông có điều kiện chăm sóc sức khỏe của bà H.

Về tài sản chung của vợ chồng, do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc cá nhân nên ông xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án và giữ những ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng vì ông N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Về tài sản chung của vợ chồng, Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành các thủ tục tố tụng như yêu cầu bà H làm đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, nộp dự phí thẩm định và định giá tài sản cũng như yêu cầu bà H cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến quyền sở hữu tài sản nhưng bà H không thực hiện nên Tòa án không tiến hành các thủ tục tố tụng được.

Tại Bản án sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân quận T đã quyết định:

□p dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

□p dụng: Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

□p dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: - Bác đơn xin ly hôn của bà Vũ Thị H.

- Về án phí: Bà Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, đ- ợc trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08047 ngày 01/11/2017 của Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho bà Vũ Thị H 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08047 ngày 01/11/2017 của Thi hành án dân sự quận T, thành phố H.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2018 bà Vũ Thị H nộp đơn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H vẫn giữ yêu cầu đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo và sửa án sơ thẩm giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Chính N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm*:**

Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thời hạn xét xử và tố tụng tại phiên tòa, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Kháng cáo của bà H là hợp lệ cần chấp nhận để xem xét.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án này, Tòa án nhân dân quận T thụ lý sơ thẩm giải quyết là đúng thẩm quyền vì tại thời điểm bà H nộp đơn khởi kiện thì các tài liệu chứng cứ như các văn bản xác nhận của công an phường K,tổ trưởng tổ dân phố đều xác định bà H và ông N sinh sống tại số 117 phố V, phường KM, quận T, thành phố H.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp kháng cáo về yêu cầu ly hôn của bà H.

Về án phí phúc thẩm: Do bà H là người cao tuổi nên theo điều 2 Luật Người cao tuổi; Điều 10 Luật Phí và Lệ phí, bà H được miễn tiền án phí. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm về án phí, tuyên miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí ly hôn phúc thẩm, hoàn trả lại bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về Tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Bà Vũ Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H. Gửi kèm đơn khởi kiện là văn bản xác nhận nơi cư trú của bà H và ông N của Tổ dân phố số 10 phường K, quận T, thành phố H tại số nhà 117 phố V, phường K, quận T, thành phố H. Tòa án nhân dân quận T căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2].Về quan hệ hôn nhân của bà Vũ Thị H và ông Lê Chính N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tình cảm: Bà Vũ Thị H và ông Lê Chính N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống, bà H và ông N có cuộc sống hạnh phúc bình thường. Theo cung cấp của chính quyền địa phương và các con chung của ông bà thì thỉnh thoảng ông bà có to tiếng nhưng tất cả đều cho rằng bà H có biểu hiện không bình thường về thần kinh dẫn đến việc khắc khẩu. Ông N và các con đã tiến hành đưa bà H đi điều trị nhưng bà H chưa chịu đến bệnh viện có chuyên môn để điều trị. Bà H yêu cầu ly hôn nhưng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh cho lý do vợ chồng không hạnh phúc. Những mâu thuẫn mà bà H đưa ra chỉ là những suy nghĩ của bà về tình cảm của ông N nhưng bà chưa đưa ra được chứng cứ chứng minh mức độ mâu thuẫn và thời gian mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, ông N cho rằng hiện nay sức khỏe của bà H không được tốt, rất cần sự chăm sóc của chồng con, điều này thể hiện tình cảm cũng như trách nhiệm của ông và các con đối với bà H, như vậy thấy rằng mâu thuẫn của ông bà chưa được thể hiện rõ, mục đích hôn nhân của gia đình bà H vẫn đang tồn tại. Hai bên ông bà cần có thời gian sống bên nhau để chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và thêm thời gian để bà H suy nghĩ lại về hạnh phúc gia đình. Cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 57; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không xuất trình được thêm chứng cứ gì chứng minh cho mâu thuẫn vợ chồng đang ở

mức trầm trọng nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

Về con chung: Do con chung của bà H và ông N đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên HĐXX sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Về tài sản chung: Mặc dù bà H có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng bà H không thực hiện các thủ tục tố tụng như đưa ra các chứng cứ chứng minh quyền sở hữu các tài sản của vợ chồng, không làm đơn yêu cầu thẩm định, định giá cũng như nộp các chi phí thẩm định, định giá tài sản nên cấp sơ thẩm không tiến hành các thủ tục tố tụng được. Mặt khác, ông N do không nhất trí ly hôn nên không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản. Cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ trầm trọng, xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H nên không xem xét giải quyết về tài sản là có căn cứ.

Như vậy, từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T về việc không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3]. Về án phí: Bà Vũ Thị H là người cao tuổi nên căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, Điều 10 Luật phí và Lệ phí, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mẫu thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị Quyết, bà H được miễn các khoản tiền án phí. Do vậy cần sửa bản án sơ thẩm tuyên về án phí, trả lại bà H toàn bộ tạm ứng án phí sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56; Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, Điều 10 Luật phí và Lệ phí; Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mẫu thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị Quyết.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị H về yêu cầu được giải quyết ly hôn. Sửa 1 phần bản án sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân quận T về án phí, cụ thể:

1. Bà Vũ Thị H được miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, phúc thẩm.

2. Trả lại bà Vũ Thị H 36.300.000 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2014/08047 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố H.

3. Trả lại cho bà Vũ Thị H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2016/0005102 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố H

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân tp H;
- Chi cục thi hành án dân sự quận T;
- Tòa án nhân dân quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Lam

`